

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5 – ĐÀ N **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày 25-7-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ N

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

2. Ông Ngô Ánh Khôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà N tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2025/TLHS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Đình K, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1984 tại: Núi Th, Quảng N. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Khương M, xã Tam X, thành phố Đà N (địa chỉ trước đây: thôn Khương M, xã Tam X, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N); là đảng viên, đã bị thi hành kỷ luật bằng hình thức Khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định thi hành kỷ luật số 141-QĐ/UBKTHU ngày 07-3-2025 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Núi Thành; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: cán bộ công chức văn hóa xã hội UBND xã Tam X 1; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M; vợ Trần Thị Hồng H; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hòa N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Tam M, xã Tam X, thành phố Đà N.

2. Ông Đình Thế T, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn Phú Đ, xã Tam X, thành phố Đà N.

3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1944. Địa chỉ: Thôn Bích Tr, xã Tam X, thành phố Đà N.
4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn Bích Tr, xã Tam X, thành phố Đà N.
5. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
6. Bà Trần Thị L, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn Bích An, xã Tam X, thành phố Đà N.
7. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Bích Trung, xã Tam X, thành phố Đà N.
9. Bà Nguyễn Kim Hoàng Th, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
10. Ông Lương Châu V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Tam Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
11. Ông Trương Văn Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Tam X, thành phố Đà N.
12. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn Bích Trung, xã Tam X, thành phố Đà N.
13. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Tam X, thành phố Đà N.
14. Ông Nguyễn Th, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn Bích Tân, xã Tam X, thành phố Đà N.
15. Ông Ung Nho Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Bích Tân, xã Tam X, thành phố Đà N.
16. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Tam X, thành phố Đà N.
17. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Tam Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
18. Ông Lê Đỗ Hoàng V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
19. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn Tam Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.
20. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Tam X, thành phố Đà N.
22. Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Tam X, thành phố Đà N.
23. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn Bích Tân, xã Tam X, thành phố Đà N.

24. Ông Trương Văn Th, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Tam X, thành phố Đà N.

25. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.

26. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1946. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam X, thành phố Đà N.

27. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Phú Trung Đông, xã Tam X, thành phố Đà N.

28. Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Bích Tân, xã Tam X, thành phố Đà N.

29. Ông Nguyễn Anh Q, chức vụ trước đây: Chủ tịch UBND xã Tam X 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

30. Ông Nguyễn Đăng T, chức vụ trước đây: Phó Chủ tịch UBND xã Tam X 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

31. Ủy ban nhân dân xã Tam X, thành phố Đà N. Địa chỉ: xã Tam X, thành phố Đà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình K được điều động chức danh công chức Văn hóa - Xã hội xã Tam X I theo Quyết định số: 3207/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Núi Thành. Ngày 07/9/2022, bị cáo Nguyễn Đình K được Chủ tịch UBND xã Tam X 1 phân công nhiệm vụ phụ trách mảng Lao động - Thương binh, bảo trợ xã hội, trong đó K được giao thực hiện các hoạt động bảo trợ xã hội và chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn cấp xã.

Sau khi có quyết định hỗ trợ của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Núi Thành đối với các trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Núi Thành về phát triển kinh tế, xã hội 05 năm 2021- 2025 trên địa bàn huyện, K được giao nhiệm vụ đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Núi Thành nhận kinh phí và danh sách nhận tiền cho các trường hợp cư trú trên địa bàn xã Tam X 1.

Theo quy trình, sau khi nhận kinh phí về K phải thực hiện việc chi trả cho các đối tượng theo quy định, các đối tượng khi nhận tiền sẽ ký xác nhận vào danh sách nhận tiền. Tuy nhiên, K đã không thực hiện việc chi trả tiền cho 17 trường hợp mà lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Đối với các trường hợp này,

K chỉ đưa chứng từ cho những đối tượng chính sách ký xác nhận nhưng K không đưa tiền mà lấy lý do là chưa có tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Số tiền
1.	Nguyễn Hòa Nam	1969	Tam Mỹ	1,000,000
2.	Đình Thế Tuyên	1949	Phú Đông	1,000,000
3.	Trần Thị Bè	1944	Bích Trung	1,000,000
4.	Lê Thị Lương	1953	Bích Trung	1,000,000
5.	Nguyễn Minh Toàn	1949	Khuông Mỹ	1,000,000
6.	Trần Thị Liễu	1949	Bích An	1,000,000
7.	Đoàn Thị Liên	1947	Khuông Mỹ	1,000,000
8.	Nguyễn Thị Hân	1950	Bích Trung	1,000,000
9.	Nguyễn Kim Hoàng Thảo	2004	Khuông Mỹ	1,000,000
10.	Lương Châu Việt	1972	Tam Mỹ	1,000,000
11.	Trương Văn Thường	1986	Phú Hưng	1,000,000
12.	Nguyễn Thị Hữu	1960	Bích Trung	1,000,000
13.	Nguyễn Thị Huyện	1954	Phú Hưng	1,000,000
14.	Nguyễn Thơm	1951	Bích Tân	1,000,000
15.	Ung Nho Định	1989	Bích Tân	1,000,000
16.	Đỗ Thị Thảo	1979	Phú Bình	1,000,000
17.	Hồ Thị Ty	1954	Tam Mỹ	1,000,000
Tổng tiền: 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng)				

Đối với các trường hợp được hỗ trợ hàng tháng theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Theo quy trình, sau khi có Quyết định hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch UBND huyện Núi Thành thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm thủ tục chi tiền hàng tháng qua bưu điện và gửi thông báo danh sách người được hưởng chế độ, kèm sổ nhận tiền, bảo hiểm y tế cho K để cấp phát lại cho các đối tượng hưởng chính sách. Tuy nhiên, K không đưa sổ nhận tiền cho các đối tượng để đến Bưu điện nhận tiền mà lập không giấy ủy quyền, ký giả chữ ký của 11 đối tượng chính sách, trình Chủ tịch UBND xã Tam X 1 ký xác nhận rồi mang giấy ủy quyền đến Bưu điện nhận tiền, tổng số tiền K chiếm đoạt của 11 trường hợp là 35.820.000 đồng, cụ thể:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Số tiền	Số tháng lấy tiền
-----	-----------	----------	------------	---------	-------------------

1	Lê Đỗ Hoàng Vũ	1987	Khương Mỹ	2,520,000	07 tháng
2	Nguyễn Hữu Dũng	1948	Tam Mỹ	2,520,000	07 tháng
3	Hồ Thị Ty	1954	Tam Mỹ	2,520,000	07 tháng
4	Huỳnh Thị Danh	1971	Phú Hưng	1,440,000	04 tháng
5	Huỳnh Thị Ái	1969	Phú Bình	1,800,000	05 tháng
6	Đoàn Thị Tâm	1948	Bích Tân	3,600,000	05 tháng
7	Trương Văn Thảo	1971	Phú Bình	3,600,000	10 tháng
8	Nguyễn Thị Uyên	1968	Khương Mỹ	2,700,000	05 tháng
9	Trần Thị Nhi	1946	Khương Mỹ	12,960,000	18 tháng
10	Đỗ Thị Tiếp	1954	Phú Trung Đông	1,080,000	03 tháng
11	Nguyễn Đình Sĩ	1978	Bích Tân	1,080,000	05 tháng

Như vậy, tổng số tiền mà K đã chiếm đoạt của 28 trường hợp trên là: 52.820.000 đồng (năm mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 24/6/2024, sau khi biết thông tin Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Núi Thành và UBND xã Tam X 1 phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền bảo trợ xã hội, K đã trả lại toàn bộ số tiền mà mình đã chiếm đoạt cho các đối tượng chính sách.

Ngày 16/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Nam giám định các chữ ký của đối tượng chính sách trong giấy ủy quyền. Tuy nhiên do các chữ ký của những người ủy quyền hiện tại thu thập cách xa thời điểm thiết lập tài liệu cần giám định nên không đủ điều kiện giám định, do đó Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Nam từ chối giám định.

Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo Nguyễn Đình K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 50/CT-VKS-NT ngày 24-6-2025 của **Viện kiểm sát nhân dân** huyện Núi Thành, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà N truy tố bị cáo Nguyễn Đình K về tội: “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình K phạm tội: “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Tại lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Bị cáo Nguyễn Đình K là Cán bộ văn hoá xã hội xã Tam X 1, được phân công phụ trách mảng Lao động – Thương binh, bảo trợ xã hội, được giao nhiệm vụ thực hiện việc nhận – chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Tam X 1. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ Phòng Lao động - thương binh và xã hội huyện Núi Thành thì bị cáo Nguyễn Đình K không thực hiện việc chi trả, không thông báo đối tượng đến nhận tiền mà lập các thủ tục không để rút và chiếm đoạt tiền hỗ trợ đột xuất và hỗ trợ hằng tháng của các đối tượng được trợ cấp xã hội. Cụ thể: lần thứ nhất là 17 trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền 17.000.000 đồng và lần thứ hai là 11 đối tượng chính sách với tổng số tiền 35.820.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Đình K đã chiếm đoạt là 52.820.000 (năm mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình K đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tham ô tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự (phạm tội 2 lần trở lên) như bản Cáo trạng của **Viện kiểm sát nhân dân** đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình K là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, làm ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với người được hưởng chế độ bảo trợ xã hội, trợ cấp xã hội, ảnh hưởng đến uy tín trong quản lý nhà nước, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi bị cáo thực hiện nhằm răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị

cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; trong quá trình công tác được Chủ tịch UBND huyện Núi Thành tặng giấy khen. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng trong pháp luật hình sự.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các đối tượng bảo trợ xã hội, những người này không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

- *Vấn đề liên quan trong vụ án:*

Đối với ông Nguyễn Anh Quân - Chủ tịch UBND xã Tam X 1 và ông Nguyễn Đăng Tiền - Phó Chủ tịch UBND xã Tam X I, mặc dù việc ký chứng thực các chữ ký trong giấy ủy quyền chưa đúng quy định về thủ tục chứng thực nhưng bản thân Quân và Tiền không biết việc K ký giả chữ ký người ủy quyền, không có động cơ, mục đích vụ lợi hoặc động cơ, mục đích khác nên hành vi của Quân và Tiền chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam đã có văn bản gửi cơ quan, tổ chức Đảng xem xét xử lý trách nhiệm cán bộ theo quy định là phù hợp.

[2.4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình K** phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 04 (bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Buộc bị Nguyễn Đình K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5-ĐN;
- Công an TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

